

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

1. PHẦN NGHI THỨC

- 8h00' – 8h30' ▪ Đón tiếp cổ đông
- 8h30' – 8h35' ▪ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
- 8h35' – 8h40' ▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
- 8h40' – 8h45' ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khai mạc Đại hội, thông qua danh sách đoàn Chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội và bầu Ban kiểm phiếu

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- 8h45' – 8h50' ▪ Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội
- 8h50' – 9h05' ▪ Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021
- 9h05' – 9h20' ▪ Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 9h20' – 9h40' ▪ Báo cáo các tờ trình Đại hội:
 - Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020
 - Kế hoạch SXKD-tài chính- tiền lương- đầu tư năm 2021
 - Thù lao HĐQT & BKS
 - Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2021
 - Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng – thế chấp tài sản
 - Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín dụng bán hàng
 - Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty
 - Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế Ban kiểm soát
- 9h40' – 10h10' ▪ Giải lao, buffet trà-cà phê
- 10h10' – 10h45' ▪ Thảo luận, hỏi đáp
- 10h45' – 11h00' ▪ Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội
- 11h00' – 11h10' ▪ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
- 11h10' – 11h15' ▪ Thông qua biên bản Đại hội
- 11h15' – 11h20' ▪ Tổng kết và Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 06 /NBS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đúng Điều lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức quy định, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ rung, khi cần thực hiện cuộc gọi thì vui lòng ra khỏi phòng họp.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của cổ đông.

- Cổ đông hoặc đại diện sở hữu được cấp Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề gì, các cổ đông đồng ý thông qua thì sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Theo Khoản 1, Điều 20 Điều lệ công ty quy định, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận.

a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; d) Việc tổ chức lại hay giải thể Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) và e) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

- Khoản 2, Điều 20 Điều lệ công ty quy định, các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả bầu cử, biểu quyết của cổ đông về các vấn đề tại Đại hội.

2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL. Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông NBS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chánh

Số: 07/BC-NBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT
KINH DOANH 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2021

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020

1.1.1. Kế hoạch

- Về thép cán: sản xuất: 155.000 tấn (Kế hoạch điều chỉnh), tiêu thụ 150.000 tấn
- Doanh thu: 2.021 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10 tỷ đồng

1.1.2. Kết quả thực hiện

Sản xuất đạt 166.210 tấn, tăng 7,23% so với kế hoạch, tiêu thụ đạt 162.343 tấn, tăng 8,23% so kế hoạch. Trong đó:

- + Tiêu thụ thép góc đạt 32.229 tấn (xuất khẩu: 14.951 tấn; nội địa: 17.278 tấn).
- + Tiêu thụ thép vằn đạt 113.554 tấn (xuất khẩu 21.448 tấn (Cty tự doanh 6.008 tấn); nội địa 92.106 tấn).
- + Tiêu thụ thép cuộn đạt 16.560 tấn, bằng 92,00% kế hoạch năm. Tăng cao so cùng kỳ 2019
- + Doanh thu: 1.877,576 tỷ đồng, bằng 92,90%, tương ứng giảm 7,10% so kế hoạch năm, chủ yếu do giá bán thép thành phẩm giảm.
- + Lợi nhuận trước thuế: 23,886 tỷ đồng, bằng 238,87% kế hoạch năm.

1.2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1.2.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị có 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty.
- Ông Lê Việt - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.
- Ông Nguyễn Hữu Khánh – Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn (Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 bầu bổ sung vào HĐQT từ 29/5/2020).
- Bà Đặng Thị Linh - Thành viên không điều hành, Phó ban Quản lý đầu tư Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn

Tổng Công ty trong vấn đề đầu tư, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp (Đã miễn nhiệm từ 29/5/2020 để nghỉ hưởng chế độ hưu trí).

- Ông Lê Xuân Anh - Thành viên không điều hành, Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty về công tác nhân sự, tiền lương.

- Ông Trương Bá Liêm - Thành viên không điều hành cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP Thép Nhà Bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD.

1.2.2. Tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT & BKS

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2020 và Nghị định 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH, thù lao và lương của các thành viên đã được chi trả trong năm như sau:

- Các thành viên không chuyên trách hưởng thù lao 4.000.000 đ/tháng
- Lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách 58.320.000 đ/tháng
- Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách 37.800.000 đ/tháng

1.2.3. Ban hành các quy chế hoạt động

Trong năm Hội đồng quản trị đã cập nhật, sửa đổi ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

1.2.4. Các cuộc họp HĐQT

Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 5/2020 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2020, thông qua các quy chế, các giải pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc và ra nghị quyết để tổ chức thực hiện.

1.2.5. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, chiến lược đầu tư, ...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2020

2.1. Tình hình chung

2.1.1. Khó khăn

- Dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lây lan mạnh trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19, trong đó cách ly toàn xã hội 15 ngày trên phạm vi toàn quốc đã tác động ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực xây dựng và thị trường thép, các hạng mục đầu tư công chậm giải ngân, thị trường tiêu thụ với sức mua kém làm cung vượt xa cầu, cạnh tranh giữa các thương hiệu thép xây dựng trong nước ngày càng gay gắt, giá cả biến động tăng giá liên tục trong các tháng cuối năm 2020.

- Trung Quốc tăng cường nhập khẩu phôi thép từ Việt Nam. Trong nước, giá phế liệu cao và khan hiếm, nguồn liệu nhập khẩu cũng bị chậm tiến độ, đã ảnh hưởng lớn đến các công ty nấu luyện phôi thép; các doanh nghiệp sản xuất phôi thép tăng xuất khẩu sang Trung Quốc đã tạo sự khan hiếm phôi thép cục bộ đẩy giá phôi thép tại thị trường nội địa tăng cao trong các tháng cuối năm và tăng nhanh hơn giá bán thành phẩm, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị thuần sản xuất cán.

- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu. Các nhà sản xuất thuần cán vẫn còn lệ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu trong nước, tiềm ẩn nhiều rủi ro về hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Nguồn phôi trong nước tăng giá liên tục do giá phế liệu cao và khan hiếm, trong khi đó giá thành phẩm chỉ tăng nhẹ do cầu yếu đã tạo áp lực rất lớn cho Công ty trong việc lựa chọn nhà cung cấp phôi thép, bám sát tình hình thị trường để cân đối sản xuất-tiêu thụ-tồn kho thành phẩm và phôi thép ở mức phù hợp;

- Các sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn và thép góc đều được sản xuất trên cùng dàn cán Pomini do đó phải đổi mặt hàng nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu suất sử dụng thiết bị, công tác điều độ gặp nhiều khó khăn. Công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu phôi thép, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc lớn vào sự chênh lệch giữa giá phôi thép và giá bán thép thành phẩm.

- Sản phẩm thép góc tăng trưởng nhẹ và ổn định hơn so với thép thanh, tuy nhiên vẫn bị cạnh tranh mạnh từ các nhà sản xuất sản phẩm cùng loại có chất lượng tương đối với giá rẻ hơn nên khó mở rộng thị phần để tăng sản lượng.

- Năng lực tài chính của Công ty chưa đủ mạnh, nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu mua nguyên liệu phôi thép chủ yếu là vốn vay ngân hàng.

2.1.2. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn góp phần chủ yếu vào sản lượng tiêu thụ chung của Công ty.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao.

- Hệ thống quản trị trong sản xuất phát huy hiệu quả góp phần kiểm soát được công nghệ, kiểm soát chất lượng với tỷ trọng sản phẩm lỗi, sản phẩm có bề mặt xấu, nhám... giảm dần, chất lượng hình thức đóng bó được cải thiện, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm thép /v/ trên thị trường.

- Tình hình thị trường 6 tháng đầu năm cũng có thuận lợi bởi mức chênh giữa giá thành phẩm và giá phôi cao, tạo điều kiện có lợi nhuận tốt, tuy nhiên từ tháng 7 thị trường biến động bất lợi do giá phôi tăng nhanh hơn giá thành phẩm, công ty bị lỗ liên tiếp trong 2 tháng. Thị trường cuối Q3 đầu Q4 biến động mạnh về giá nguyên liệu đầu vào tuy nhiên công ty đã tận dụng được cơ hội về giá phôi để tiếp tục duy trì lợi nhuận.

2.2. Những nội dung đã thực hiện

2.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

(Xin mời tham khảo các bản phụ lục của báo cáo)

2.2.2. Các hoạt động khác

- Về tài chính doanh nghiệp, thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

- Về quản trị chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 được vận hành ổn định. Công tác quản trị chất lượng sản phẩm luôn được chú trọng và duy trì thực hiện đúng các quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn trong sản xuất (như ổn định bazem, chất lượng bề mặt, đóng gói sản phẩm...vv) góp phần đảm bảo CLSP trước khi ra thị trường. Trong năm qua việc đẩy mạnh khai thác các ứng dụng công nghệ vào trong quản trị chất lượng sản phẩm đã góp phần nâng cao sự chính xác về số liệu và tính cập nhật, phục vụ tốt cho công tác quản lý thành phẩm và bán hàng. Các bộ phận QLCL - KHKD - PX Cán luôn có sự phối hợp tốt trong công tác này, việc xử lý kịp thời và thỏa đáng những thông tin phản hồi từ khách hàng, góp phần mang lại sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu Thép Miền Nam /V/.

- Trong năm đã hoàn thành và đưa vào sản xuất sản phẩm thép góc lớn (V100) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Thiết bị máy cán được duy trì sản xuất ổn định, việc quản lý, sử dụng thiết bị máy cán, dầu nhớt, và thiết bị nâng được thường xuyên quan tâm đúng mức, cải tiến và nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, năng suất cán bình quân duy trì ổn định và đặc biệt là các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu đều giảm so với định mức. Đảm bảo an toàn bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, PCCN.

- Về công tác nhân sự, tiếp tục rà soát sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc, công bằng, đúng quy định Nhà nước và quy chế của Công ty trong đào tạo, tuyển dụng, trả lương, thưởng và phúc lợi xã hội. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí, chăm sóc sức khỏe... được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Phong trào thi đua yêu nước tiếp tục làm tốt việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân điển hình tiên tiến ở khu vực sản xuất, hướng cho người lao động vào các nội dung thi đua tiết kiệm giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm 2020, toàn Công ty có 31 CSTĐ cơ sở, 152 LĐTT, 02 tập thể và 4 cá nhân được Tổng Công ty Thép Việt Nam tặng Giấy khen, đề nghị Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tặng bằng khen cho 01 cá nhân.

2.3. Những tồn tại

- Chưa giải quyết dứt điểm tiền hỗ trợ di dời của UBND TP. Hồ Chí Minh

- Chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý khu đất 38/5 Bé Văn Cẩm, phường Tân Kiểng, Quận 7, TP. HCM (Nhà Tập thể Tân Quy).

3. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2021

3.1. Nhận định tình hình thị trường

Tình hình thị trường thép 2021 diễn biến phức tạp, nguyên liệu phôi thép bị chi phối bởi các nhà sản xuất với sản lượng lớn. Thép thành phẩm cạnh tranh mạnh hơn do cung vẫn vượt cầu bởi có thêm nhiều nhà sản xuất mới đã hoàn thiện đầu tư đi vào sản xuất, đầu tư công hạn chế do khó khăn trong giải ngân, bất động sản chưa có dấu hiệu khởi sắc...

3.1.1. Thị trường Thế giới: Cung tiếp tục vượt xa cầu do sự phục hồi của ngành thép Trung Quốc sau dịch COVID-19, làn sóng Trung Quốc đầu tư sang các nước ASEAN với các nhà máy hiện đại có công suất lớn (Indonesia, Malaysia...), do đó Việt Nam tiếp tục chịu áp lực lớn từ chính sách xuất nhập khẩu của Trung Quốc.

3.1.2. Thị trường trong nước

- Được dự báo phục hồi, tuy nhiên mức tăng trưởng thấp, cung vẫn lớn hơn cầu, sự cạnh tranh giữa các thương hiệu thép xây dựng trong nước ngày càng gay gắt. Xuất khẩu mang lại lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất phôi thép, tạo sự khan hiếm cục bộ làm giá phôi thép tại thị trường nội địa tăng nhanh hơn giá bán thành phẩm làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị thuần sản xuất cán.

- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, tác động khôn lường bởi dịch COVID-19 làm ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu cũng như nguy cơ về thép nhập khẩu có giá rẻ từ Trung Quốc và Malaysia. Các nhà sản xuất thuần cán vẫn còn lệ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu trong nước, tiềm ẩn nhiều rủi ro về hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Nguồn năng lượng (điện, gas) phục vụ cho sản xuất có nguy cơ thiếu hụt và tăng giá.

- Đặc điểm tình hình của Công ty trong năm 2020 vẫn chưa khả quan hơn vì vẫn phải chịu những khó khăn, bất lợi về trình độ công nghệ thiết bị, chi phí khấu hao và chi phí tài chính vẫn chiếm tỷ trọng cao trong giá thành.

Trước những nhận định trên và dự kiến nhiệm vụ của Tổng công ty giao, có đánh giá kết quả thực hiện năm 2020 của Công ty và tình trạng của thiết bị - công nghệ - các chiến thuật, giải pháp áp dụng mang lại hiệu quả cao trong sản xuất – kinh doanh sẽ tiếp tục được áp dụng và cải tiến với mục tiêu sản xuất hết công suất, nâng cao hiệu suất thiết bị, đảm bảo đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2021 như sau:

3.2. Các chỉ tiêu chính

- Sản xuất-tiêu thụ: 155.000 tấn thép cán

- Doanh thu thuần: 1.838,094 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng;

- Tỷ suất LNTT/ Vốn đầu tư của CSH: 10,4%

- Tỷ suất LNTT/ Tổng tài sản: 2,6%

- Thu nhập bình quân của người lao động: tối thiểu bằng năm 2020

Hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ tập trung lãnh đạo chỉ đạo vào các vấn đề sau:

3.3. Các mặt công tác

3.3.1. Công tác pháp lý

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty theo các bộ luật mới bổ sung sửa đổi.

- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.

- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

- Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty.

3.3.2. Phát triển sản phẩm

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường tiêu thụ phía Nam từ miền Trung trở vào và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.

- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao của thép hình.

3.3.3. Công tác tài chính và đầu tư

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó thu hồi.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý.

- Đảm bảo tiến độ đầu tư các hạng mục công trình.

3.4 Các giải pháp chủ yếu năm 2021

3.4.1. Công tác sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thép góc nhất là thị trường nội địa. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thép hình mới mà thị trường đang có nhu cầu, hiệu quả kinh doanh cao, chú trọng công tác quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, phát huy tối đa thế mạnh của dây chuyền công nghệ đã cải tạo để giảm tiêu hao, tránh thất thoát, lãng phí vật tư nhằm giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường công tác thu thập thông tin và đánh giá thị trường, giảm thiểu rủi ro, tăng cường tận dụng cơ hội trong kinh doanh. Tích cực tìm kiếm khách hàng, có chiến lược để tăng sản lượng tiêu thụ thép góc, tăng cường công tác tiếp thị, xuất khẩu và tiêu thụ trực tiếp.

- Tăng cường cải thiện công tác quản trị chất lượng, nắm bắt thông tin phản hồi từ khách hàng để duy trì chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín Công ty và thương hiệu /V/ trên thị trường, làm tốt công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị nhằm ổn định sản xuất để nâng cao công suất.

- Bám sát thị trường để có điều chỉnh tồn kho phôi thép và thành phẩm hợp lý, đảm bảo cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất, đồng thời giảm chi phí tồn kho. Xây dựng lại cơ sở tồn kho thành phẩm phù hợp, giảm tồn kho nhưng vẫn đảm bảo có đủ hàng cho khách hàng, nhất là các đơn hàng đi bằng đường thủy và sản phẩm thép góc xuất khẩu.

- Cải tạo thiết bị để tăng năng suất sản xuất thép góc nhỏ và sản xuất các loại thép hình lớn. Hợp lý hóa trong công tác tổ chức sản xuất nhằm giảm thiểu thời gian ngừng máy để nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng, giữ uy tín và thương hiệu sản phẩm /V/.

- Phối hợp chặt chẽ hệ thống thép /V/ về nguồn phôi, tiêu thụ thành phẩm tận dụng tối đa thế mạnh của 04 công ty sản xuất /V/, đặc biệt phương án gia công phù hợp với khả năng sản xuất và kế hoạch bán hàng công ty từng thời kỳ.

3.4.2. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm

- Công tác quản lý thiết bị, chuẩn bị nguồn vật tư dự phòng thay thế đảm bảo được bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa chủ động kế hoạch không ảnh hưởng đến ngừng nghỉ máy nhiều do sự cố hư hỏng hay bị động trong sửa chữa bảo trì.

- Chuẩn bị kế hoạch bảo trì sửa chữa nâng cấp thiết bị đảm bảo đúng theo kế hoạch, bố trí sắp xếp thời gian khoa học và phù hợp với chương trình kế hoạch sản xuất – tiêu thụ công ty.

- Giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, giải quyết khiếu nại khách hàng về chất lượng khắc phục tình trạng chất lượng bề mặt, đóng bó, barem sản xuất đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn của hệ thống Thép Miền Nam /V/ ban hành.

- Đảm bảo kỷ luật lao động, an toàn lao động, nghiêm túc chấp hành các quy trình an toàn sản xuất và thường xuyên kiểm tra giám sát từng ca, từng công nhân trước trong và sau khi sản xuất để giảm thiểu tối đa vụ việc mất ATLĐ.

3.4.3. Công tác quản trị công ty

- Tuân thủ các quy định tài chính kế toán, phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thông kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng theo tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng đào tạo công nhân, cán bộ quản lý theo các chương trình khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo nguồn lực cho sản xuất.

- Xây dựng và trình duyệt kế hoạch lao động tiền lương mới phù hợp với hoạt động công ty, đảm bảo mức tiền lương và thu nhập CBCNV bằng và cao hơn năm 2020.

- Đảm bảo công tác bảo vệ ANTT, an toàn lao động, công tác tự vệ, PCCC đúng quy định pháp luật và nội quy cơ quan.

- Tích cực làm việc với cơ quan ban ngành TP. Hồ Chí Minh để hoàn tất thủ tục pháp lý khu đất 38/5 Bê Văn Cẩm, phường Tân Kiểng, Quận 7 và nhận đủ số tiền hỗ trợ di dời.

3.4.4. Công tác đầu tư

Phát huy những ưu thế từ dự án đầu tư, triển khai các hạng mục đầu tư đảm bảo đúng tiến độ và đúng theo qui định.

Triển khai dự án khai thác khu đất còn trống của công ty.

Với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty cùng sự hỗ trợ của Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam, các đơn vị trong hệ thống thép /V/, bằng những cố gắng nỗ lực của mình, đội ngũ CBCNV và lao động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020, trên cơ sở đó quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư năm 2021./.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2020 và định hướng nhiệm vụ 2021. Kính trình quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, BDH
- Lưu: VT, HĐQT



Bảng phụ lục 1: KẾT QUẢ XSKD NĂM 2020

TT	Thép cán	Đvt	Thực hiện 2019	Năm 2020		So với KH 2019 (%)	So cùng kỳ 2019 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản xuất	Tấn	175.580	155.000	166.210	107,23	94,66
	- Thép góc	-nt-	32.018	24.000	33.221	138,42	103,76
	- Thép cây vằn	-nt-	139.637	113.000	117.075	103,61	83,84
	+ Sản xuất	-nt-	122.972	108.000	106.663	98,76	86,74
	+ Gia công TMN	-nt-	16.665	5.000	10.412	208,24	62,48
	- Thép cuộn	-nt-	3.925	18.000	15.914	88,41	405,45
2	Tiêu thụ	Tấn	151.905	150.000	162.343	108,23	106,87
	- Thép góc	-nt-	30.387	24.000	32.229	134,29	106,06
	- Thép cây vằn	-nt-	118.258	108.000	113.554	105,14	96,02
	- Thép cuộn	-nt-	3.260	18.000	16.560	92,00	0,00

Phụ lục 2: CÁC CHỈ TIÊU VỀ CLSP VÀ TIÊU HAO

3.1. Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm

Sản lượng (tấn)	Sản phẩm phù hợp (tấn)			Sản phẩm không phù hợp (tấn)
	Sản lượng	Loại 1	Loại 2	
166.571	166.210	164.555	1.655	361
Tỉ lệ % so với thực hiện	99,78%	98,79%	0,99%	0,22%

3.2. Các chỉ tiêu tiêu hao vật tư

Tên vật tư	Đvt	Định mức	Thực hiện	+/- So với định mức
Thép thỏi	Tấn/ tấn	1,037	1,030	-0,007
Gas	mmBtu/ tấn	1,201	1,201	0,000
Điện năng	Kwh/ tấn	101,495	99,989	-1,506

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Kính gửi các quý cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel;.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên:

1. Ông Nguyễn Quốc Thiều Trưởng ban.
2. Ông Bùi Văn Vĩnh Thành viên.
3. Bà Cù Thị Thùy Linh Thành viên.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.
- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.
- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

Thù lao của các thành viên trong năm 2020, đã được chi trả đầy đủ và đúng theo mức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông cho 02 thành viên: 36 triệu đồng/người (Trưởng ban do hưởng lương chuyên trách nên không có thù lao).

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

1. Về tình hình tài chính:

Bảng CĐKT của Công ty ngày 31/12/2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019	+/-	%
A	TỔNG TÀI SẢN	361.674	535.560	(173.886)	-32,47
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	219.854	383.742	(163.888)	-42,71
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.458	4.023	1.435	35,67
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	81.606	144.087	(62.481)	-43,36
3	Hàng tồn kho	123.242	189.225	(65.983)	-34,87
4	Tài sản ngắn hạn khác	9.548	46.407	(36.859)	-79,43
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	141.820	151.818	(9.998)	-6,59
1	Tài sản cố định	141.800	148.473	(6.673)	-4,49
	- Nguyên giá	335.897	324.529	11.368	3,50
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(194.097)	(176.056)	(18.041)	10,25
2	Bất động sản đầu tư	0	56	(56)	-100,00
	- Nguyên giá	1.478	1.478	0	0,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.478)	(1.422)	(56)	3,94
3	Tài sản dở dang dài hạn	20	1.813	(1.793)	-98,90
4	Tài sản dài hạn khác	0	1.476	(1.476)	-100,00
B	TỔNG NGUỒN VỐN	361.674	535.560	(173.886)	-32,47
I	NỢ PHẢI TRẢ	161.960	341.448	(179.488)	-52,57
1	Nợ ngắn hạn	153.965	333.813	(179.848)	-53,88
2	Nợ dài hạn	7.995	7.635	360	4,72
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	199.714	194.112	5.602	2,89

Nhận xét:

1.1. Tài sản: Tổng tài sản của Công ty giảm 173.886 triệu đồng, tương ứng giảm 32,47%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn giảm 163.888 triệu đồng, tương ứng giảm 42,71%; Tài sản dài hạn giảm 9.998 triệu đồng tương ứng giảm 6,59%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: tăng 35,67%, tương ứng tăng 1.435 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2020 bao gồm tiền mặt là 01 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 5.457 triệu đồng.

1.1.2. Các khoản phải thu ngắn hạn: Giảm 62.481 triệu đồng, tương ứng giảm 43,36% so với cùng kỳ. Phân tích một số khoản mục biến động lớn:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 80.616 triệu đồng, giảm 62.537 triệu đồng, tương ứng giảm 43,69%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

- + Cty TNHH MTV Thép Miền Nam: 27.688 triệu đồng.
- + CH HH Supplies Buiding Materials (Cam): 3.773 triệu đồng.
- + TS Supply All Kind of Steel Co., LTD (Cam): 1.521 triệu đồng.

+ Chip Mong Group LTD (Campuchia):	25.638 triệu đồng.
+ Sing Sin Supply All Kind of Steels (Cam):	2.212 triệu đồng.
+ DNTN TM và GC Mười Lợi:	5.053 triệu đồng.
+ Công ty TNHH TM DV Thép Khương Mai:	4.423 triệu đồng.
+ Công ty TNHH MTV Thép Phú Xuân Việt:	7.680 triệu đồng.
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định:	1.489 triệu đồng.
+ Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen:	1.003 triệu đồng.

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 52.792 triệu đồng giảm 3.498 triệu đồng, tương ứng giảm 6,21% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 56.290 triệu đồng), tuy tổng số nợ phải thu giảm nhưng vẫn chiếm tới 65,48% tổng số nợ phải thu.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 785 triệu đồng tăng 223 triệu đồng, tương ứng tăng 39,68% so với cùng kỳ, một số nhà cung cấp có số dư lớn:

+ Cty CP PISA:	504 triệu đồng.
+ Cty CP Đầu tư Toàn Cầu Minh Anh:	213 triệu đồng.

Qua số liệu trên đề nghị theo dõi các khoản ứng trước này để kiểm tra chất lượng, thời gian hoàn thành, kết thúc hợp đồng.

Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

DVT: Tr.đồng

Chỉ tiêu	2020	2019	+/-	%
Doanh thu thuần	1.877.577	1.962.208	(84631,00)	-4,31
Khoản phải thu đầu kỳ	144.087	183.064	(38977,00)	-21,29
Khoản phải thu cuối kỳ	81.606	144.087	(62481,00)	-43,36
Khoản phải thu bình quân	112.847	163.576	(50729,00)	-31,01
Số vòng quay	16,64	12,00	4,64	38,70
Số ngày thu tiền bình quân	21,64	30,01	(8,37)	-27,90

Trong năm, khi doanh thu thuần giảm 4,31%, khoản phải thu bình quân giảm tới 31,01% so với cùng kỳ đã làm cho số vòng quay các khoản phải thu tăng 4,64 vòng, tương ứng số ngày thu tiền bình quân giảm đi 8,37 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn được luân chuyển tốt hơn nhiều so với cùng kỳ, làm tăng chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền.

1.1.3. Hàng tồn kho:

DVT: Tr.đồng

Stt	Nội dung	31/12/2020	31/12/2019	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	47.663	41.539	6.124	14,74
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	20.296	23.525	(3.229)	-13,73
3	Phế liệu thu hồi	1.059	1.903	(844)	-44,35
4	Công cụ, dụng cụ	497	708	(211)	-29,80
5	Thành phẩm	52.034	119.537	(67.503)	-56,47
6	Hàng gửi đi bán	1.693	2.013	(320)	-15,90
	Tổng	123.242	189.225	(65.983)	-34,87

Tổng giá trị hàng tồn kho đã giảm 65.983 triệu đồng tương ứng giảm 34,87% so với cùng kỳ, trong đó biến động chủ yếu là do tồn kho phôi tăng và thành phẩm giảm mạnh (phôi tăng 14,74%, thành phẩm giảm 56,47%); Giá trị vật tư phụ từng thay thế giảm 3.229 triệu đồng tương ứng giảm 13,37% so với cùng kỳ.

1.1.4. Tài sản ngắn hạn khác: Giảm 79,43%, tương ứng giảm 36.859 triệu đồng so với cùng kỳ, sự biến động này chủ yếu là do chỉ tiêu Thuế GTGT được khấu trừ là 9.264 triệu đồng, giảm 33.439 triệu đồng, tương ứng giảm 78,31% so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đã làm thủ tục và được hoàn thuế GTGT với số tiền hơn 41.000 triệu đồng.

1.1.5. Tài sản dài hạn: Giảm 9.998 triệu đồng, tương ứng giảm 6,59% so với cùng kỳ; các yếu tố biến động: TSCĐ giảm 6.674 triệu đồng tương ứng giảm 4,50% (Nguyên giá các TSCĐ tăng 11.368 triệu đồng, khấu hao là 18.042 triệu đồng); Tài sản dở dang dài hạn giảm 1.793 triệu đồng, tương ứng giảm 98,90%; Tài sản dài hạn khác giảm 1.476 triệu đồng tương ứng giảm 100,00% so với cùng kỳ.

1.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn giảm 173.886 triệu đồng, tương ứng giảm 32,47%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả giảm 179.488 triệu đồng, tương ứng giảm 52,57%; Vốn chủ sở hữu tăng 5.602 triệu đồng, tương ứng tăng 2,89%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:

1.2.1. Nợ phải trả: Giảm 52,57% so với cùng kỳ là do nợ ngắn hạn giảm 179.848 triệu đồng, giảm 53,88% và nợ dài hạn tăng 360 triệu đồng, tăng 4,72%, cụ thể một số chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn và có sự tăng giảm nhiều so với cùng kỳ:

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 92.074 triệu đồng, giảm 18.567 triệu đồng, giảm 16,78% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 110.641 triệu đồng); chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

- + Cty TNHH MTV Thép Miền Nam: 40.079 triệu đồng.
- + Cty CP Gang Thép Nghi Sơn: 38.721 triệu đồng.
- + Công ty TNHH SX TM Thép Hương Loan: 3.404 triệu đồng.
- + CN Cty CP phân phối khí thấp áp dầu khí VN: 4.087 triệu đồng.

Đây là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi, khí gas), các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Người mua trả tiền trước là 333 triệu đồng tăng 207 triệu đồng, tăng 164,44% so với cùng kỳ.

c/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 1.632 triệu đồng, giảm 1.296 triệu đồng giảm 44,2674% so với cùng kỳ, đây là số thuế TNDN phải nộp trong năm.

d/. Phải trả người lao động là 13.730 triệu đồng tăng 4.922 triệu đồng, tăng 55,87% so với cùng kỳ, do công ty hoàn thành kế hoạch cả về sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận, nên đã cân đối và tăng quỹ lương năm 2020.

e/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 134 triệu đồng, giảm 180 triệu đồng, giảm 57,24% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí tiền điện và chi phí tài chính, chi phí soát xét BCTC.

f/. Phải trả ngắn hạn khác là 1.660 triệu đồng, giảm 1.439 triệu đồng, giảm 46,43% so với cùng kỳ, việc giảm này chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp khác.

g/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 43.602 triệu đồng, giảm 163.821 triệu đồng tương ứng giảm 78,98% (cùng kỳ nợ 207.423 triệu đồng), toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn, trong đó:

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là: 12.323 triệu đồng.
- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là: 27.842 triệu đồng.

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Nhơn Trạch (khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2021) là: 3.437 triệu đồng.

h/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 799 triệu đồng tăng 327 triệu đồng, tăng 69,24%.

i/. Nợ dài hạn tăng 360 triệu đồng, tương ứng tăng 4,72% so với cùng kỳ, đây là khoản vay dài hạn cho dự án cán dây với hạn mức vay là 12.000 triệu đồng, thời hạn vay 60 tháng và dự án cải tạo hệ thống điện động lực cán trung với hạn mức 4.500 triệu đồng, lãi suất 10,5%/năm.

1.2.2. Vốn Chủ sở hữu: Tăng 5.602 triệu đồng, tương ứng tăng 2,89% so với cùng kỳ, trong đó phần tăng 20.254 triệu đồng là tiền lợi nhuận năm 2020, phần giảm 14.653 triệu đồng là khoản trả cổ tức và trích các Quỹ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020.

1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	2020	2019	+/-
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	60,79	71,65	-10,86
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	39,21	28,35	10,86
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	44,78	63,76	-18,97
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	55,22	36,24	18,97
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	0,63	0,58	0,04
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,43	1,15	0,28
Tỉ suất lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,60	3,55	2,05
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,08	0,97	0,11
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH (%)	10,14	9,79	0,36
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.764	1.655	109

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn đã thay đổi, về tài sản giảm tỉ trọng ở tài sản ngắn hạn, tăng dài hạn, về nguồn vốn giảm tỉ trọng nợ phải trả, tăng nguồn vốn chủ sở hữu; Chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng đảm bảo cho Công ty đủ khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều tăng so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	2020	2019	+/-	%
1	Doanh thu thuần	1.877.577	1.962.208	(84.631)	-4,31
2	Giá vốn	1.789.584	1.860.325	(70.741)	-3,80
3	Lợi nhuận gộp	87.993	101.883	(13.890)	-13,63
4	Doanh thu hoạt động tài chính	810	521	289	55,47
5	Chi phí tài chính	11.744	16.952	(5.208)	-30,72

	- Chi phí lãi vay	10.969	15.742	(4.773)	-30,32
6	Chi phí bán hàng	16.111	17.992	(1.881)	-10,45
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.955	38.533	(1.578)	-4,10
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.993	28.927	(4.934)	-17,06
9	Thu nhập khác	409	399	10	2,51
10	Chi phí khác	515	2.965	(2.450)	-82,63
11	Lợi nhuận khác	(106)	(2.566)	2.460	95,87
12	Lợi nhuận trước thuế	23.887	26.361	(2.474)	-9,39
13	Thuế TNDN	3.633	7.366	(3.733)	-50,68
14	Lợi nhuận sau thuế	20.254	18.995	1.259	6,63

- Doanh thu thuần giảm 4,31%, giá vốn giảm 3,80% so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp giảm 13,67%, tương ứng giảm 13.924 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm giảm doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2020	2019	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	162.343	151.905	10.438	6,87
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	11,323	12,598	(1,275)	-10,12
Doanh thu (tr.đ)	1.838.264	1.913.687	(75.423)	-3,94
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			131.497	6,87
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			(206.920)	-10,81

Qua phân tích cho thấy doanh thu giảm so với cùng kỳ chủ yếu là do giá bán bình quân giảm 10,12% làm cho doanh thu giảm 10,81% (giảm 206.920 tr.đ), tăng sản lượng tiêu thụ 6,87% (10.438 tấn) đã làm doanh thu tăng 6,87% (131.497 tr.đ), tổng doanh thu thành phẩm giảm 75.423 triệu đồng tương ứng giảm 3,94% so với cùng kỳ.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần giảm 33,46%, giảm 5.497 triệu đồng, chủ yếu là giảm được chi phí lãi vay; để thấy rõ, phân tích cụ thể như sau:

- + Tổng tiền vay đã giải ngân năm 2020/2019: 1.705.713/1.946.172 tr.đ
- + Bình quân tiền vay 01 tháng: 142.143/162.181 tr.đ
- + Tiền lãi vay bình quân 01 tháng: 914/1.312 tr.đ

Như vậy, khi số tiền vay giảm 12,35%, tương ứng giảm 240.459 triệu đồng và chi phí lãi vay bình quân 01 tháng giảm 398 triệu đồng, giảm 30,33%, cho thấy thời gian quay vòng vốn vay nhanh hơn, thời gian trả lãi ít hơn và lãi suất vay cũng thấp hơn cùng kỳ.

Chi phí bán hàng giảm 10,45%, chi phí Quản lý Doanh nghiệp giảm 4,10%. Xét về tổng chi phí: Chi phí bán hàng, chi phí Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2020 tổng chi phí là 64.001 triệu đồng, SLTT: 162.343 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,394 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2019 tổng chi phí là 72.956 triệu đồng, SLTT: 151.905 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,480 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy so với cùng kỳ chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm đã giảm 0,086 triệu đồng, tương ứng giảm 17,92%, làm tăng hiệu quả kinh doanh.

- Lợi nhuận khác là âm 106 triệu đồng, tăng 2.460 triệu đồng, tương ứng tăng 95,87%.

Tuy lợi nhuận khác âm nhưng tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty vẫn đạt 23.887 triệu đồng, giảm 9,39% so với cùng kỳ, tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế lại cao hơn so với cùng

kỳ 6,63%, tương ứng 1.259 triệu đồng, là do Thuế TNDN phải nộp năm nay đã có phần điều chỉnh giảm theo Nghị định 68 năm 2020 về sửa đổi Khoản 3 Điều 8 của Nghị định 20/2017/NĐ-CP (năm 2019 thuế TNDN phải nộp đã tính tăng).

Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư CSH đạt 17,50% (KH là 8,70%)

Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản đạt 6,60% (KH là 1,94%)

3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2020	Thực hiện		So sánh (%)	
		2020	2019	TH/KH	2020/2019
Sản xuất	170.000	166.210	175.579	97,77	94,66
- Thép góc	24.000	33.221	32.018	138,42	103,76
- Thép thanh	108.000	106.663	122.971	98,76	86,74
- Thép thanh gia công	20.000	10.412	16.665	52,06	62,48
- Thép cuộn	18.000	15.914	3.925	88,41	405,45
Tiêu thụ	150.000	162.343	151.905	108,23	106,87
- Thép góc	24.000	32.229	30.387	134,29	106,06
- Thép thanh	108.000	113.554	118.258	105,14	96,02
- Thép cuộn	18.000	16.560	3.260	92,00	507,98

Nhận xét: Sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ và so với Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020, nhưng so với kế hoạch điều chỉnh là 155.000 tấn, thì đã vượt 7,23%, sản lượng tiêu thụ tăng so với cùng kỳ và tăng so với kế hoạch, nhất là sản lượng tiêu thụ thép góc và thép cuộn, thép góc tăng trưởng 34,29% và 6,06% so với kế hoạch và cùng kỳ, Sản phẩm thép cuộn đã tiêu thụ cao hơn nhiều so với cùng kỳ nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch.

4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn:

Theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2020, Công ty có 04 hạng mục đầu tư trị giá 10.800 triệu đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 6.300 triệu đồng, vốn vay thương mại 4.500 triệu đồng; Kết quả đã hoàn thành 03 hạng mục và đưa vào sử dụng, hạng mục “Động cơ Pomini” hiện đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2021. Các hạng mục hoàn thành đã hình thành TSCĐ với tổng giá trị 7.348 triệu đồng và đảm bảo cơ cấu vốn vay và vốn chủ đứng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, cụ thể:

- Cải tạo HT điện động lực cụm máy cán trung : 6.379 triệu đồng
- Giá cán Pomini : 520 triệu đồng
- Bộ vít ép cụm máy cán thô : 449 triệu đồng

Ngoài các hạng mục trên, trong năm Công ty đã tăng thêm TSCĐ với tổng giá trị là 5.053 triệu đồng, với một số hạng mục có giá trị lớn là:

- Cải tại cụm giá cán K13 : 1.961 triệu đồng
- Cầu trục 2 dầm 15T : 1.015 triệu đồng
- Bãi chứa thành phẩm : 523 triệu đồng
- Bơm dầu bôi trơn : 291 triệu đồng

Bên cạnh đó đã thanh lý 02 TSCĐ là 02 xe nâng D70, với tổng nguyên giá là 1.033 triệu đồng, các tài sản này đã hết khấu hao.

Về sửa chữa lớn, xây dựng cơ bản, theo kế hoạch Công ty có tổng cộng 19 hạng mục được phê duyệt, với tổng giá trị: 7.898 triệu đồng. Trong năm công ty đã hoàn thành 12 hạng

mục, đang thực hiện 06 hạng mục, 01 hạng mục không thực hiện, với tổng giá trị đã ghi nhận là 3.784 triệu đồng.

Các hạng mục đang đầu tư dở dang, sửa chữa lớn, XDCCB có số dư đến ngày 31/12/2020 là 20 triệu đồng.

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 29/5 và bầu bổ sung 01 Thành viên HĐQT, Thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị công ty theo mẫu quy định năm 2017 của Bộ Tài chính; Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã luôn tuân thủ các quy định, Điều lệ công ty, và các quy định của pháp luật trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh; Hội đồng quản trị cũng đã tổ chức họp định kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá những mặt được và chưa được trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, và đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo kịp thời.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các quyết định điều hành kịp thời tùy theo diễn biến của thị trường cũng như ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên dù hiệu quả các quý có tăng, có giảm, nhưng kết quả lợi nhuận cả năm vẫn rất cao, vượt xa kế hoạch mục tiêu; chủ động trong việc tìm thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ thép góc tại thị trường nội địa, có kế hoạch tăng giảm sản lượng tiêu thụ cũng như mua phôi hợp lý (tăng lượng mua khi nhận định giá còn lên, tồn kho phôi tháng 12 đã thể hiện rõ điều này) để giảm thiệt hại khi giá giảm và tận dụng hiệu quả khi giá cao; Duy trì tốt công tác quản trị sản xuất giảm tiêu hao kim loại, giảm tiêu hao điện, dầu nhớt; Áp dụng khoa học công nghệ, phần mềm phục vụ công tác quản lý; Công tác môi trường vẫn duy trì và phát huy đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về môi trường do Nhà nước quy định. Đời sống và thu nhập của người lao động được nâng lên, trong điều kiện nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch bệnh phải giảm sản xuất, xả thải công nhân; Ổn định dây chuyền cán dây, tăng dần năng suất, sản phẩm được khách hàng đánh giá cao; Sản phẩm góc lớn V100 cũng đã bán được ra thị trường; Khi diễn biến thị trường bất lợi, kinh doanh không hiệu quả, Ban lãnh đạo đã quyết liệt chỉ đạo, đề ra nhiều biện pháp nhằm thích ứng với tình thế để giảm thiểu mọi rủi ro, đồng thời tăng cường việc quản lý hàng tồn kho, công tác tiết kiệm, chống lãng phí tại tất cả các Phòng ban, Phân xưởng, nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, cũng như đảm bảo hiệu quả hàng tháng, hàng quý; Trong năm, HĐQT, Ban lãnh đạo đã quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu, sắp xếp tinh gọn lao động và đã triển khai thực hiện từ đầu năm 2021.

Thù lao của Hội đồng quản trị cho các Thành viên không quản lý trực tiếp đã được chi trả đầy đủ, theo đúng mức quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, các Thành viên khác tham gia điều hành trực tiếp được Công ty trả lương nên không có thù lao.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng luôn nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ phía Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ phận quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

III. Ý kiến của ban kiểm soát:

- Công ty vẫn đang phải sản xuất nhiều chủng loại mặt hàng, việc chuyển đổi sản xuất giữa các mặt hàng phải tốn nhiều thời gian, vì vậy công tác điều độ sản xuất, cơ cấu, thời điểm, số lượng hàng tồn kho phải được đặc biệt quan tâm, nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, nhất là đối với các mặt hàng có sản lượng cán không cao.

- Việc tăng sản lượng tiêu thụ thép góc trong năm 2020 đã có một bước đột phá tại thị trường nội địa, tuy nhiên để giữ và tăng được sản lượng công ty cần phải có thêm các chính sách hỗ trợ cho khách hàng, có thể chấp nhận giảm một phần lợi nhuận để giữ chân các nhà phân phối.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đầu tư, nghiên cứu sửa chữa, cải tạo thiết bị để hiện đại hóa, tự động hóa các khâu còn phải dùng đến sức người, tăng năng suất cán thép góc và cán dây.

- Tiếp tục duy trì các phương án quản trị, chú trọng sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số vào công tác quản lý nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động trong công ty.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, tăng vòng quay nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, nợ vượt hạn mức bảo lãnh. Các hạng mục đầu tư có giá trị lớn cần tìm nguồn vốn vay dài hạn để thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu, nâng chất nguồn nhân lực, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, là tiền đề để nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2021 bài bản, đúng quy định, công tác đầu thầu phải công khai minh bạch và sát với tiềm lực tài chính của công ty.

**TRƯỞNG BAN**
Nguyễn Quốc Thiệu

Số: 08 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2020: | 20.254.444.124 đồng |
| 2. Dự kiến phân phối như sau: | |
| 2.1. Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10 % | 11.478.991.000 đồng |
| 2.2. Quỹ khen thưởng + phúc lợi người lao động | 2.430.000.000 đồng |
| 2.3. Quỹ khen thưởng Ban điều hành | 411.480.000 đồng |
| 2.4. Quỹ đầu tư phát triển | 4.275.453.124 đồng |
| 2.5. Lợi nhuận chưa phân phối | 1.658.520.000 đồng |
| 3. Giao cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. | |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 09 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về Kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về Kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản xuất: 155.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 155.000 tấn thép cán

2. Kế hoạch tài chính:

- Doanh thu thuần: 1.838,094 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng
- Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư CSH: 10,4%
- Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản: 2,6%

3. Kế hoạch tiền lương

- + Tổng tiền lương người lao động: 36.293 triệu đồng
- + Tổng tiền lương người quản lý & thù lao HĐQT, BKS 2.911 triệu đồng
- + Tiền lương bình quân: 16,527 tr. đồng/người/tháng

Kế hoạch tiền lương năm 2021 sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty Mẹ-Tổng Công ty Thép Việt Nam phê duyệt.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021

- Dự án nhóm C: Dự án đầu tư nhà kho – nhà xưởng cho thuê
Tổng mức đầu tư: 55.000 triệu đồng
Nguồn vốn:
 - + Vốn chủ sở hữu: 5.000 triệu đồng
 - + Vốn khác: 50.000 triệu đồng

5. Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ:

- Tổng vốn đầu tư: 6.800 triệu đồng, bao gồm 3 hạng mục:
 - Cải tạo hệ thống điện động lực cụm giá cán K1
 - Máy cắt phôi
 - Máy buộc thép
- Nguồn vốn:
 - + Vốn chủ sở hữu: 4.600 triệu đồng;
 - + Vốn vay thương mại: 2.200 triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.



Số: 10 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

I. Tiền lương của thành viên chuyên trách HĐQT và Ban kiểm soát

1. Báo cáo mức chi năm 2020

- Chủ tịch HĐQT 58.320.000 đ/tháng
- Trưởng ban KS 37.800.000 đ/tháng

2. Dự kiến mức chi năm 2021 (Theo Nghị định 53/2016 và Thông tư 28/2016)

- Chủ tịch HĐQT 48.600.000đ/tháng
- Trưởng ban kiểm soát 31.500.000đ/tháng

II. Thù lao của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách

1. Báo cáo mức chi thù lao năm 2020

- Ủy viên HĐQT 4.000.000 đ/tháng
- Ủy viên BKS 3.000.000 đ/tháng

2. Đề nghị mức thù lao năm 2021

- Thành viên HĐQT 4.000.000 đ/tháng
- Ủy viên BKS 3.000.000 đ/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ
- VNSTEEL

QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Chánh

Số: M /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2021 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2021 với danh sách đề xuất bao gồm:

- i) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- ii) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- iii) Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 12 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán và thế chấp tài sản Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung như sau:

- Hợp đồng mua bán có giá trị dư nợ (bao gồm cả dư nợ tín chấp) >35% tổng giá trị tài sản công ty.
- Thế chấp tài sản công ty có giá trị nguyên giá > 35% tổng giá trị tài sản của Công ty với các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 13 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt nội dung như sau:

Hạn mức tín chấp:

- 02 triệu USD (tương đương 46,6 tỷ đồng) đối với Tập đoàn Chipmong
- 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chánh

Số: 14/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về chủ trương thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty từ: Lầu 4 – 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đến địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện các thủ tục chuyển đổi theo thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 15 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ Công ty và các Quy chế hoạt động của công ty 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua Điều lệ Công ty và các Quy chế hoạt động của công ty như sau:

1. Điều lệ Công ty:

Kết cấu Điều lệ được xây dựng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, gồm 21 Mục, 64 Điều.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Kết cấu Quy chế được xây dựng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, gồm VII Chương, 89 Điều.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết cấu Quy chế được xây dựng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, gồm VII Chương, 24 Điều.

4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kết cấu Quy chế được xây dựng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, gồm VII Chương, 22 Điều.

Dự thảo Điều lệ và các Quy chế được đơn vị Tư vấn Luật soạn thảo sát theo mẫu quy định, hoàn thiện trên cơ sở ý kiến của các phòng chức năng, Lãnh đạo công ty, Công ty Mẹ-Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Dự thảo Điều lệ và các Quy chế được đăng trên website Công ty: www.nbsteel.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua./.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL được lập ngày 25 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

006
HÀN
Y. TNH
KEM T
ASC
PHO



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 02 tháng 03 năm 2020.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		219.854.435.058	383.742.553.326
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	5.458.324.115	4.023.184.468
111	1. Tiền		5.458.324.115	4.023.184.468
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.605.849.625	144.087.342.764
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	80.616.451.219	143.153.834.078
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	785.557.285	562.595.089
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	203.841.121	370.913.597
140	IV. Hàng tồn kho	07	123.242.186.696	189.224.795.649
141	1. Hàng tồn kho		123.242.186.696	189.224.795.649
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.548.074.622	46.407.230.445
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	3.469.170.912
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.264.216.921	42.702.900.433
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	283.857.701	235.159.100
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		141.819.328.146	151.817.137.576
220	II. Tài sản cố định		141.799.178.146	148.472.204.234
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	141.497.315.646	148.084.129.234
222	- Nguyên giá		335.327.093.076	323.986.939.203
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(193.829.777.430)	(175.902.809.969)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	301.862.500	388.075.000
228	- Nguyên giá		570.000.000	541.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(268.137.500)	(153.425.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	-	56.328.070
231	- Nguyên giá		1.478.303.812	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.478.303.812)	(1.421.975.742)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		20.150.000	1.812.727.272
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	20.150.000	1.812.727.272
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	1.475.878.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	-	1.475.878.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		361.673.763.204	535.559.690.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		161.959.828.563	341.447.209.385
310	I. Nợ ngắn hạn		153.965.226.186	333.812.721.580
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	92.074.218.047	110.641.254.031
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	332.722.436	125.823.270
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.632.362.728	2.928.287.282
314	4. Phải trả người lao động		13.730.331.342	8.808.679.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	134.288.489	314.046.775
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.660.071.949	3.099.050.366
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	43.602.209.628	207.423.450.870
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		799.021.567	472.129.567
330	II. Nợ dài hạn		7.994.602.377	7.634.487.805
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	7.994.602.377	7.634.487.805
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		199.713.934.641	194.112.481.517
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	199.713.934.641	194.112.481.517
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		115.000.000.000	115.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		115.000.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.094.556.539	7.094.556.539
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		14.362.661.827	10.530.817.232
415	4. Cổ phiếu quỹ		(99.898.530)	(99.898.530)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		889.919.435	1.146.563.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.466.695.370	60.440.442.415
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		42.212.251.246	41.445.242.246
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.254.444.124	18.995.200.169
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		361.673.763.204	535.559.690.902

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Anh Dũng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021



Tổng Giám đốc

Lê Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.904.029.112.996	1.992.762.883.791
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	26.452.569.150	30.554.557.655
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.877.576.543.846	1.962.208.326.136
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.789.583.812.894	1.860.325.327.816
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.992.730.952	101.882.998.320
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	810.479.976	520.727.861
22	7. Chi phí tài chính	25	11.743.975.464	16.951.811.473
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.969.046.279	15.742.266.096
25	8. Chi phí bán hàng	26	16.111.014.377	17.992.356.063
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	36.955.501.576	38.532.653.865
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.992.719.511	28.926.904.780
31	11. Thu nhập khác	28	408.761.950	399.592.077
32	12. Chi phí khác	29	514.674.609	2.965.217.480
40	13. Lợi nhuận khác		(105.912.659)	(2.565.625.403)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.886.806.852	26.361.279.377
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.632.362.728	7.366.079.208
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.254.444.124	18.995.200.169
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.764	1.378

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh Dũng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc


 Lê Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.886.806.852	26.361.279.377
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.130.710.031	17.032.282.609
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		88.044.655	28.475.829
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(102.272.980)	52.713.894
06	- Chi phí lãi vay		10.969.046.279	15.742.266.096
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.972.334.837	59.217.017.805
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		95.783.645.966	29.544.411.958
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		65.982.608.953	(33.514.059.239)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.912.414.502)	(6.982.747.785)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.945.048.912	(2.656.115.933)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.218.803.754)	(15.737.935.942)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.895.237.403)	(7.208.123.907)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		134.182.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.981.290.000)	(2.367.501.417)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		186.810.075.009	20.294.945.540
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.608.778.601)	(4.517.473.413)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		77.000.000	30.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.272.980	22.713.894
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.506.505.621)	(4.464.759.519)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.705.712.862.245	1.946.171.635.750
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.869.173.988.915)	(1.975.049.492.258)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.407.090.500)	(11.389.397.050)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(174.868.217.170)</i>	<i>(40.267.253.558)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.435.352.218	(24.437.067.537)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.023.184.468	28.460.379.060
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(212.571)	(127.055)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>5.458.324.115</u>	<u>4.023.184.468</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh Dũng

Trưởng Giám đốc



Lê Việt

Số: 16 /NQ-ĐHĐCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi tháng 5/2020;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và định hướng nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán: 166.210 tấn/ Kế hoạch 155.000 tấn, đạt 107,23 %
- Sản lượng tiêu thụ: 162.343 tấn/ Kế hoạch 150.000 tấn, đạt 108,22 %
- Doanh thu: 1.878 tỷ đồng, đạt 95,69 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 23,887 tỷ đồng, đạt 238,86% kế hoạch

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2020, 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 3. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty, 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Trong đó:

- | | |
|--|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 20.254.444.124 đồng |
| - Phân phối như sau: | |
| ▪ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10 % | 11.478.991.000 đồng |
| ▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động | 2.430.000.000 đồng |
| ▪ Quỹ khen thưởng Ban điều hành | 411.480.000 đồng |
| ▪ Quỹ đầu tư phát triển | 4.275.453.124 đồng |
| ▪ Lợi nhuận chưa phân phối | 1.658.520.000 đồng |

Điều 4. Thông qua Tờ trình về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và mức chi năm 2021, với 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4.1. Tiền lương của thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Chức danh	Báo cáo mức chi năm 2020	Đề nghị mức chi năm 2021
Chủ tịch HĐQT	58.320.000 đ/tháng	48.600.000đ/tháng
Trưởng ban Kiểm soát	37.800.000 đ/tháng	31.500.000đ/tháng

4.2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

Chức danh	Báo cáo mức chi năm 2020	Đề nghị mức chi năm 2021
Thành viên HĐQT	4.000.000 đ/tháng	4.000.000 đ/tháng
Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000 đ/tháng	3.000.000 đ/tháng

Điều 5. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2021, với 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

5.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Sản xuất: 155.000 tấn thép cán;
- Tiêu thụ: 155.000 tấn thép cán;

5.2. Kế hoạch tài chính:

- Doanh thu thuần: 1.838,094 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng;
- Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư CSH: 10,4%
- Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản: 2,6%

5.3. Kế hoạch tiền lương:

- Quỹ lương của người lao động: 36,293 tỷ đồng, mức lương bình quân: 16,527 tr.đ/ng/th
- Quỹ lương người quản lý & thù lao HĐQT, BKS: 2,911 tỷ đồng.

5.4. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Dự án nhóm C: Dự án đầu tư nhà kho – nhà xưởng cho thuê

Tổng mức đầu tư: 55.000 triệu đồng

Nguồn vốn:

- + Vốn chủ sở hữu: 5.000 triệu đồng
- + Vốn khác: 50.000 triệu đồng

5.5. Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ:

Tổng vốn đầu tư: 6.800 triệu đồng, bao gồm 3 hạng mục:

- Cải tạo hệ thống điện động lực cụm giá cán K1
- Máy cắt phôi
- Máy buộc thép

Nguồn vốn:

- + Vốn chủ sở hữu: 4.600 triệu đồng;
- + Vốn vay thương mại: 2.200 triệu đồng.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2021, với 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 7. Thông qua một số Tờ trình khác:

- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt Hợp đồng mua bán và thế chấp tài sản Công ty, với 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.
- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng của Công ty
- Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính công ty.
- Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty và các Quy chế hoạt động (Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát).

Điều 8. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 9. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26/3/2021./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT, TCHC.

Nguyễn Văn Chánh